SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT - TỔNG HỢP AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV22B1LX
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Cài đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL(3)	Xử lý ảnh bằng Photoshop(3)	Lập trình căn bản(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2254802033141	Huỳnh Nguyễn Lan	Anh	29/01/2007	7.1	7.7	7.9	7.7	5.9	5.6	**7.1**	Khá
2	2254802033142	Trần Phương	Anh	05/12/2007	6.4	8.8	6.2	7.8	6.3	5.6	**6.9**	Trung bình
3	2254802033144	Lê Công	Chánh	28/03/2006	7.0	5.9	8.3	8.3	6.8	6.3	**7.1**	Khá
4	2254802033145	Dương Quốc Tuấn	Em	23/12/2007	6.8	8.9	8.2	9.0	6.6	7.9	**7.9**	Khá
5	2254802033146	Huỳnh Thị Như	Hiền	02/05/2007	7.3	8.3	7.9	7.8	8.3	7.2	**7.8**	Khá
6	2254802033147	Trần Huỳnh Trung	Hiếu	20/11/2007	7.2	8.3	8.4	8.3	5.3	7.1	**7.5**	Khá
7	2254802033148	Trần Thị Kim	Hoàn	19/06/2007	7.7	8.4	7.4	8.3	6.9	7.2	**7.7**	Khá
8	2254802033149	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	28/04/2007	8.0	8.8	8.1	8.7	6.6	8.4	**8.1**	Giỏi
9	2254802033150	Nguyễn Phúc	Huy	25/08/2003	8.4	7.9	9.1	8.7	7.2	8.4	**8.3**	Giỏi
10	2254802033153	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	18/11/2007	8.1	6.0	6.6	6.2	6.3	5.6	**6.6**	Trung bình
11	2254802033154	Trần Mỹ	Linh	20/01/2007	7.0	8.9	7.2	7.7	5.9	6.5	**7.3**	Khá
12	2254802033155	Đặng Tấn	Lộc	06/10/2007	6.5	8.9	7.7	7.9	7.2	7.1	**7.6**	Khá
13	2254802033156	Nguyễn Xuân Phát	Lợi	06/05/2007	9.0	8.9	8.2	7.9	8.5	8.1	**8.5**	Giỏi
14	2254802033157	Lê Hoàng	Long	26/12/2007	7.0	8.9	7.7	7.9	8.1	8.2	**7.9**	Khá
15	2254802033158	Nguyễn Thị Hồng	Mai	28/01/2007	7.3	7.4	8.4	8.0	8.7	8.4	**8.0**	Giỏi
16	2254802033159	Phạm Thị Trúc	Mai	10/12/2007	7.5	8.3	7.6	8.0	6.3	8.0	**7.7**	Khá
17	2254802033160	Nguyễn Ngọc	Ngân	28/11/2007	6.4	6.6	7.6	8.3	5.2	5.5	**6.7**	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Cài đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL(3)	Xử lý ảnh bằng Photoshop(3)	Lập trình căn bản(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Điểm TB	Xếp loại
18	2254802033161	Trương Thanh	Ngoan	08/04/2007	6.4	7.6	8.7	8.3	7.2	6.1	**7.4**	Khá
19	2254802033162	Phạm Hữu	Ngọc	24/06/2007	8.1	9.0	8.1	8.9	6.7	6.6	**8.0**	Giỏi
20	2254802033163	Lê Quỳnh	Như	04/04/2007	6.2	0.0	0.0	0.0	2.1	0.0	**1.5**	Yếu
21	2254802033164	Nguyễn Văn	Quốc	20/02/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	Yếu
22	2254802033165	Phan Hữu	Tài	04/01/2007	7.0	8.9	8.5	8.2	6.3	7.6	**7.8**	Khá
23	2254802033166	Dương Thanh	Thanh	31/10/2006	7.6	7.8	8.2	8.7	9.0	7.7	**8.1**	Giỏi
24	2254802033167	Nguyễn Phan Hữu	Thành	21/08/2007	7.7	7.2	7.7	8.5	7.6	7.8	**7.7**	Khá
25	2254802033168	Nguyễn Trường	Thịnh	03/04/2007	7.2	8.3	8.1	8.3	7.3	7.3	**7.8**	Khá
26	2254802033170	Phan Hữu	Trí	25/05/2007	7.7	8.4	7.8	8.1	6.9	7.7	**7.8**	Khá
27	2254802033171	Phùng Thị Tú	Trinh	29/05/2007	7.9	8.3	7.7	8.1	8.5	8.7	**8.2**	Giỏi
28	2254802033172	Võ Thị Kim	Trúc	04/07/2007	6.4	7.1	6.8	6.9	5.2	7.8	**6.7**	Trung bình
29	2254802033173	La Nguyễn Thanh	Tiền	02/04/2006	7.6	8.9	8.3	7.9	6.1	9.0	**8.0**	Giỏi
30	2254802033174	Đoàn Minh	Ý	18/02/2002	7.4	9.0	8.6	7.6	8.1	8.4	**8.2**	Giỏi
31	2254802033175	Huỳnh Ngọc	Yến	12/10/2007	7.3	9.0	8.2	7.6	7.5	6.8	**7.8**	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Ths. Trần Thanh Dũng

Châu Đốc, ngày 15 tháng 03 năm 2024
Người lập bảng

Trần Quốc Thái